

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 10/2/2020
Về việc: “Tranh chấp chia tài
sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán: Bà Lê Thu Hương;

Bà Lê Thị Hiệu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 2 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/HNGĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐ- PT ngày 20 tháng 01 năm 2020.

1.Nguyên đơn: Bà Phùng Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: phường Q, thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Triệu Xuân T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: phường Q, thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB).

Trụ sở: phường Q, thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Trung C và ông Hoàng Thế A - Nhân viên xử lý nợ.

Địa chỉ: phường Q, thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

3. 2.Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)- Chi nhánh Thanh Hóa - Phòng giao dịch Môi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: phường Q, thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Đình L - Phó giám đốc.

Địa chỉ: Phòng giao dịch Phường Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt bà H, ông T, đại diện Ngân hàng Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:*

Bà H và ông Triệu Xuân T là vợ chồng đã ly hôn tại Bản án số 20/2018/HNGĐ-ST ngày 16/10/2018 của TAND thành phố Sầm Sơn. Khi ly hôn các con đã thành niên; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nhưng đến nay không thỏa thuận được, do ông T không chịu cùng bà bán nhà để chia tài sản nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Về tài sản chung: Vợ chồng có ngôi nhà 2 tầng, diện tích khoảng 117m² trên diện tích đất ở 165m² tại khu phố Đai Trúc, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn. Ngoài ra còn có 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 ti vi và 01 xe máy (bà H không yêu cầu chia tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 ti vi và xe máy).

- Về công nợ, vợ chồng có khoản nợ chung gồm: Vay Ngân hàng OCB - Chi nhánh Thanh Hóa hai lần, lần 1 vay 200.000.000đ, lần 2 vay 110.000.000đ. Tổng dư nợ hiện tại là 120.463.858đ (một trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu ba nghìn tám trăm năm tám đồng); ngoài ra bà còn vay Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Môi, số tiền 110.000.000đ, dư nợ hiện nay còn 52.840.000đ.

Các khoản vay trên để mua đất, làm nhà, trang trải nợ nần và chi phí sinh hoạt hàng tháng, mọi khoản nợ do một mình bà trả từ năm 2009 đến nay, ông T không cùng bà trả nợ và đóng góp tiền nuôi con ăn học. Thu nhập chính trong gia đình là từ lương của bà khoảng 11 đến 12 triệu đồng/tháng, ông T lao động tự do thu nhập không ổn định. Hiện tại bà đang nuôi con trai thứ hai là Triệu Tuấn Minh, sinh năm 2000 học đại học mỗi tháng hơn 5 triệu đồng và nuôi mẹ già (bà Hoàng Thị Đào sinh năm 1937).

Đối với khoản vay của Ngân hàng Agribank, ông T không tham gia vay, ông T không chấp nhận là nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết để bà tự chịu trách nhiệm trả nợ.

Trước và sau khi ly hôn, ông T liên tục bạo hành đối với bà và mẹ đẻ của bà nên buộc bà phải thuê nhà để ở. Ông T một mình ở trong nhà chật ì không thỏa thuận cùng bà bán nhà để chia tài sản, cố tình chiếm đoạt tài sản chung do một tay bà gây dựng nên. Do vậy bà làm đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản và công nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo qui định của pháp luật và yêu cầu được giao nhà đất cho để sớm có chỗ ở và giải quyết công nợ.

**Tại bản tự khai ngày 22/7/2019 và quá trình giải quyết, bị đơn ông Triệu Xuân T trình bày:*

Tài sản là do cả hai vợ chồng cùng xây dựng, các con ăn học cả hai vợ chồng cùng gánh vác. Ông chỉ thừa nhận đến thời điểm hiện nay vợ chồng còn nợ Ngân hàng OCB 125 triệu đồng. Sau khi ly hôn bà H không ở trong nhà vì không có nhu cầu sử dụng tài sản trên mảnh đất đó, còn bản thân ông và các con có nhu cầu sử dụng toàn bộ nhà cửa trên mảnh đất đó. Ông đề nghị chia đôi tài sản chung và chia đôi những khoản vay có chữ ký của ông, những khoản vay không có chữ ký của ông, ông không chấp nhận. Đề nghị giao nhà cho ông để giải quyết chỗ ở và đề nghị Tòa án các cấp giúp đỡ để gia đình được đoàn tụ.

** Ngân hàng OCB - Chi nhánh Thanh Hóa trình bày:*

Ngày 13/11/2014 Ngân hàng OCB và ông Triệu Xuân T, bà Phùng Thị H đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 241/2014/HĐTD-CN ngày 13/11/2014, số tiền vay là 200.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay mua sắm đồ dùng gia đình. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền trên đất tại thửa đất số 1599, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số AG 129022, số vào sổ cấp GCN: H04446/QSDĐ do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 07/4/2009. Tài sản trên thuộc quyền sở hữu của ông Triệu Xuân T và bà Phùng Thị H được công chứng tại phòng công chứng số 3 thành phố Thanh Hóa, số công chứng số 3920, quyền số 03.

Ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được qui định trong hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 04/6/2019 ông bà đã trả nợ gốc là 199.183.318đ; lãi trong hạn: 7.652.250đ; lãi quá hạn 2.969.915đ. Tổng cộng 275.754.252đ. Nợ gốc còn lại tạm tính đến ngày 04/6/2019 là 110.816.682đ; lãi trong hạn 7.625.250đ; lãi quá hạn 2.969.915đ. Tổng cộng 121.438.847đ.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đơn đốc nhưng đến ngày 04/6/2019 ông T và bà H vẫn không hoàn thành nghĩa vụ thỏa thuận theo điều 3 và điều 4 trong hợp đồng tín dụng số 241/2014/BĐ - CN ngày 13/11/2014 và hợp đồng tín dụng số 473/2016/HĐTD-CN ngày 22/8/2016.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T và bà H trả ngay các khoản nợ cho Ngân hàng càng sớm càng tốt. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông T và bà H không trả Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo qui định của pháp luật để thu hồi nợ.

** Ngân hàng Agrbank - Chi nhánh Thanh Hóa trình bày:*

Tại Hợp đồng tín dụng số 3500 LAV 201703174 ngày 07/7/2017, Ngân hàng Agribank - Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa - Phòng giao dịch Môi (bên cho vay) và bên vay là bà Phùng Thị H, số tiền vay 110.000.000đ, mục đích sử dụng tiền vay là cải tạo nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt, thời hạn vay 36 tháng, số tiền trả nợ mỗi tháng 3.060.000đ vào ngày 25 hàng tháng, (cho vay không có tài sản bảo đảm), khách vay vốn bằng đồng tiền nào thì trả nợ bằng đồng tiền đó.

Bà H còn nợ của Agribank - Chi nhánh Thanh Hóa 55.386.402đ, bà H xác định là nợ riêng không yêu cầu ông T cùng chịu trách nhiệm, khoản nợ này đang còn trong hạn trả nợ nên không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết.

Đối với hai cháu Triệu Tiến Anh và Triệu Tiến Minh là hai con chung của ông H, bà T đã trên 18 tuổi, chưa có đóng góp gì vào khối tài sản chung của vợ chồng nên không tham gia giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn đã Quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 207; Điều 203; Điều 227; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 33; Điều 59; Điều 60; khoản 2 Điều 62; Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Phùng Thị H.

- Giao cho bà Phùng Thị H sử dụng toàn bộ diện tích đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 1599, tờ bản đồ số 2, diện tích 165,0m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG: 129022 mang tên ông Triệu Xuân T và bà Phùng Thị H, do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 07/4/2009 (Địa chỉ: Khu phố Đài Trúc, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

Phía Đông giáp đường giao thông liên thôn 5,5m; phía Tây giáp hộ ông Phan Văn Vũ và bà Lê Thị Hà 5,5m; phía Nam giáp hộ bà Lê Thị Hằng 30m; phía Bắc giáp hộ bà Vũ Thị T 30m.

Tài sản trên đất bao gồm: 01 ngôi nhà bê tông cốt thép 02 tầng xây dựng tháng 11/2009, diện tích xây dựng tầng 1 là: 61,5m²; tầng 2 là 35,12m²; nhà tắm, nhà vệ sinh là 7,03m²; nhà bếp lợp Fibrôximăng là 13,32m²; phía trước sân bán bình lợp Fibrôximăng 20,5m², phía sau đất trống nuôi gà.

Tổng giá trị đất và công trình xây dựng trên đất là: 363.747.612đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm bốn bảy nghìn sáu trăm mười hai đồng).

- Giao bà H trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thanh Hóa, nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/11/2019 là: 130.807.419đ (Một trăm ba mươi triệu, tám trăm linh bảy nghìn, bốn trăm mười chín đồng).

- Bà H phải thanh toán cho ông T số tiền là: 116.470.096đ (Một trăm mười sáu triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, không trăm chín sáu đồng). Ông T được quyền lưu cư trong thời gian 06 tháng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019, ông Triệu Xuân T có đơn kháng cáo với nội dung:

Bà H không có nhu cầu nhà ở mà chỉ muốn bán nhà để trả nợ; bản thân ông sống một mình, tuổi cao, hiện tại Bệnh viện chẩn đoán có khối u phổi, ông có

nguyện vọng giữ lại căn nhà và đất để ở, vợ cH có cơ hội đoàn tụ, các con có nơi để trở về. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao lại cho ông được quyền sử dụng căn nhà và đất ở, ông sẽ có trách nhiệm chèn lệch cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không rút kháng cáo, các bên thống nhất thỏa thuận thỏa thuận với nhau với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể: Bà H đồng ý để lại toàn bộ nhà đất đã định giá cho ông T tiếp tục sử dụng, ông T chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng OCB và thanh toán lại tiền chia tài sản cho bà, ngoài ra ông T tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà H đủ 500.000.000đ để bà H tạo lập nơi ở mới.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản và phần án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 26/11/2019 của TAND thành phố Sầm Sơn bị ông Triệu Văn T kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông T yêu cầu được chia nhà để ở, thấy rằng: Bà H và ông T tạo lập được khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 căn nhà hai tầng bê tông cốt thép (xây dựng tháng 11/2009) công trình phụ khép kín và 01 nhà bếp; 01 bán bình đều lợp Fibrôximăng trên diện tích đất 165m² tại thửa số 1599, tờ bản đồ số 2, phường Quảng Thọ, đã có giấy chứng nhận quyefn sử dụng đất do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 07/4/2009. Theo kết quả định giá của Hội đồng ngày 16/8/2019, tổng trị giá nhà + đất là: 363.747.612đ (*Ba trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm bốn bảy nghìn sáu trăm mười hai đồng*).

Ông T, bà H bà đều có công sức ngang nhau trong việc tạo lập tài sản và quá trình giải quyết đôi bên đều có nhu cầu về nhà ở. Do diện tích tối thiểu không đủ điều kiện để tách thửa theo qui định của Luật đất đai 2013 và quy định của UBND tỉnh Thanh Hóa, do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao nhà cho bà H là phù hợp theo nguyên tắc bảo đảm quyền lợi cho phụ nữ và con đã thành niên nhưng chưa có thu nhập để tự lo cho cuộc sống của mình (khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình). Tuy nhiên, quá trình giải quyết bà H có nhiều đơn và tại phiên tòa sơ thẩm vẫn đề nghị ngoài số tiền 116.470.096đ (tổng giá trị nhà đất 363.747.612đ - 130.807.419đ là tiền còn nợ Ngân hàng OCB, còn lại chia đôi) sẽ giao thêm cho ông H 200.000.000đ, như vậy tổng cộng số tiền bà H giao cho ông T phải là 316.470.000đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà H thanh toán cho ông T số tiền 116.470.000đ là chưa đảm bảo quyền lợi cho ông T.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà H và ông T đã thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: bà H thống nhất để lại toàn bộ nhà đất của vợ cH cho

ông T tiếp tục sử dụng, ông T chịu trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng cho Ngân hàng OCB -Chi nhánh Thanh Hóa 130.807.419đ, ông T có nghĩa vụ thanh toán tài sản cho bà H 116.470.000đ và hỗ trợ thêm cho đủ 500.000.000đ để bà H tạo lập nơi ở mới.

Xét việc thỏa thuận của đôi bên tại phiên tòa phúc thẩm được đại diện Ngân hàng OCB đồng ý, nhằm tạo điều kiện cho ông T ổn định chỗ ở và việc ông T tự nguyện hỗ trợ cho bà H ngoài số tiền phải thanh toán thêm 383.530.000đ (cho bà H đủ 500.000.000đ) để bà tạo lập nơi ở mới là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về tài sản nên ông T không phải nộp án phí phúc thẩm dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà H phải chịu án phí giá ngạch đối với phần tài sản được chia như bản án sơ thẩm đã nhận định, ngoài ra ông bà còn phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng OCB, nhưng bản án sơ thẩm không buộc là thiếu sót nên cần sửa về án phí. Đối với phần ông T tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà H tại cấp phúc thẩm không buộc ông bà phải chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59; Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận sự thỏa thuận của bà Phùng Thị H và ông Triệu Xuân T tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

- Giao cho ông Triệu Xuân T được sử dụng toàn bộ diện tích đất ở nông thôn 165,0 m² tại thửa đất số 1599, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 129022 mang tên ông Triệu Xuân T và bà Phùng Thị H, do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 07/4/2009 (Địa chỉ: Khu phố Đài Trúc, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

Ranh giới: Phía Đông giáp đường giao thông liên thôn 5,5m; phía Tây giáp hộ ông Phan Văn Vũ và bà Lê Thị Hà 5,5m; phía Nam giáp hộ bà Lê Thị Hằng 30m; phía Bắc giáp hộ bà Vũ Thị T 30m.

Tài sản trên đất bao gồm: 01 ngôi nhà bê tông cốt thép 02 tầng xây dựng tháng 11/2009, diện tích xây dựng tầng một: 61,5m², tầng hai: 35,12m²; nhà tắm, nhà vệ sinh 7,03m²; 01 nhà bếp lợp Fibroximăng 13,32m²; 01 bán bình phía trước lợp Fibroximăng 20,5m².

Tổng giá trị đất và công trình xây dựng trên đất ông T được sử dụng và sở hữu: 363.747.612đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm bốn bảy nghìn, sáu trăm mười hai đồng).

- Ông T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thanh Hóa số tiền còn nợ tính đến ngày 26/11/2019 gồm: Nợ gốc: 110.816.682đ, nợ lãi: 19.990.730đ, tổng cộng: 130.807.419đ (*Một trăm ba mươi triệu, tám trăm linh bảy nghìn, bốn trăm mười chín đồng*), ông T phải trả lãi trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi kết thúc việc trả nợ.

- Ông T phải thanh toán số tiền chia tài cho bà H là 116.470.096đ và hỗ trợ thêm cho bà H số tiền 383.530.000đ để bà H tạo lập nơi ở mới. Tổng số tiền ông T phải thanh toán cho bà H là: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người có quyền có đơn yêu cầu và được Cơ quan thi hành án ra Quyết định thi hành án, nếu ông T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số AA/2017/0006071 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Sầm Sơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà H mỗi người phải nộp 11.891.000đ (*Mười một triệu, tám trăm chín mốt ngàn đồng*), bà H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000đ theo Biên lai số AA/2017/0005971 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Sầm Sơn, bà H còn phải nộp số tiền là 4.391.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP. Sầm Sơn;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Chinh